TAND THÀNH PHỐ LAI CHÂU **TỈNH LAI CHÂU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 49/2019/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Lai Châu, ngày 28 tháng 6 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Dân sự thụ lý số: 29/2019/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn A, sinh năm 1980

Địa chỉ: tổ 7, phường Đ, thành phố C, tỉnh C.

Bị đơn: Chị Hà Thị Thanh B, sinh năm 1978

Địa chỉ: tổ 7, phường Đ, thành phố C, tỉnh C.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 54, 55, 57, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toá án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 6 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 6 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Anh Nguyễn Văn A và chị Hà Thị Thanh B.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Anh Nguyễn Văn A và chị Hà Thị Thanh B đều thuận tình ly hôn.

- **Việc nuôi con:** Anh Nguyễn Văn A và chị Hà Thị Thanh B có 03 con chung tên là Nguyễn Hoàng Gia N, sinh ngày 11/10/2011; Nguyễn Hà Gia H, sinh ngày 01/11/2013 và Nguyễn Phương Bảo H, sinh ngày 06/5/2017. Anh Nguyễn Văn A và chị Hà Thị Thanh B thỏa thuận như sau:

- Chị Hà Thị Thanh B là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục ba con chung tên Nguyễn Hoàng Gia N, sinh ngày 11/10/2011; Nguyễn Hà Gia H, sinh ngày 01/11/2013 và Nguyễn Phương Bảo H, sinh ngày 06/5/2017 cho đến khi ba con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

- Về cấp dưỡng nuôi con chung:

+ Đối với con chung tên Nguyễn Phương Bảo H, sinh ngày 06/5/2017 chị B không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con chung, anh A nhất trí.

+ Đối với hai con chung tên Nguyễn Hoàng Gia N, sinh ngày 11/10/2011 và Nguyễn Hà Gia H, sinh ngày 01/11/2013, anh Nguyễn Văn A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung với mức cấp dưỡng là 3.000.000 đồng/một tháng/một con chung (tức là 6.000.000đồng/01 tháng/02 con) cho đến khi cháu Gia N và cháu Gia H thành niên (đủ 18 tuổi).

Phương thức cấp dưỡng: Mỗi tháng 01 lần vào ngày 10 hàng tháng.

Thời điểm cấp dưỡng: Kể từ ngày 10/7/2019 cho đến khi hai con chung tên Nguyễn Hoàng Gia N và Nguyễn Hà Gia H thành niên (đủ 18 tuổi).

Anh Nguyễn Văn A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn không ai được cản trở anh A thực hiện quyền này.

Kể từ khi Quyết định có hiệu lực pháp luật, chị B có đơn yêu cầu thi hành án, anh A chưa thi hành được (không đóng tiền cấp dưỡng nuôi con như trên hoặc không đóng đầy đủ) thì bên phải thi hành án còn phải chịu thêm phần lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

- Chia tài sản: Anh Nguyễn Văn A và chị Hà Thị Thanh B tự thỏa thuận về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn A và chị Hà Thị Thanh B mỗi người phải chịu 75.000đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Anh A phải chịu 150.000đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung, anh A tự nguyện nộp thay chị B số tiền án phí dân sự sơ thẩm 75.000 đồng, chị B nhất trí. Tổng cộng anh Nguyễn Văn A phải nộp là 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng. Xác nhận anh A đã nộp đủ số tiền án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số AA/2010/0003657 ngày 01/3/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND phường Đ, thành phố C, tỉnh C;
- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND TP Lai Châu;
- Chi cục THA dân sự TP Lai Châu;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Bích Nga